

THÔNG TƯ
CỦA BỘ CÔNG AN SỐ 01/2007/TT-BCA-C11 NGÀY 02 THÁNG 01 NĂM 2007
QUY ĐỊNH VỀ VIỆC TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ, CẤP BIỂN SỐ
PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2001;

Căn cứ Nghị định 14/2003/NĐ-CP ngày 19/2/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 136/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Bộ Công an quy định về việc tổ chức đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1.1. Thông tư này quy định việc đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gồm: Xe ô tô, máy kéo, mô tô, xe gắn máy, các loại xe kết cấu tương tự, kể cả xe cơ giới dùng cho người tàn tật và rơ moóc, sơ mi rơ moóc (dưới đây gọi tắt là xe của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có trụ sở, cư trú trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

1.2. Thông tư này không áp dụng đối với xe quân đội sử dụng vào mục đích quốc phòng và xe máy chuyên dùng.

2. Phân cấp cơ quan đăng ký xe

2.1. Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt (Tổng cục cảnh sát – Bộ Công an): đăng ký xe ô tô của các cơ quan đại diện ngoại giao, các tổ chức quốc tế, cá nhân nước ngoài làm việc trong cơ quan, tổ chức đó, một số cơ quan Trung ương có danh mục kèm theo) và xe của cơ quan Bộ Công an;

Ngoài các xe quy định trên, Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt đăng ký xe theo yêu cầu nghiệp vụ được lãnh đạo Bộ Công an hoặc Tổng cục Cảnh sát phê duyệt.

2.2. Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: đăng ký ô tô của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, xe quân đội làm kinh tế; mô tô, xe gắn máy của tổ chức, cá nhân nước ngoài, liên doanh, dự án tại địa phương mình (trừ các đối tượng quy định tại điểm 2.1 nêu trên).

2.3. Công an quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gọi chung là Công an cấp huyện đăng ký mô tô, xe gắn máy của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước đang cư trú hoặc có trụ sở tại huyện (trừ các đối tượng quy định tại điểm 2.1 và 2.2 nêu trên).

Trường hợp Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa phân cấp đăng ký xe mô tô, xe máy cho Công an cấp huyện thì phải có văn bản báo cáo Bộ (qua Tổng cục Cảnh sát).

3. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký xe

3.1. Cơ quan đăng ký xe có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến công tác đăng ký xe, không tự đặt thêm các thủ tục đăng ký xe trái quy định tại Thông tư này; giải quyết đăng ký xe theo quy định của Bộ Công an.

3.2. Trách nhiệm của cán bộ tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe phải kiểm tra, đối chiếu giữa hồ sơ với xe, đúng thủ tục theo quy định thì tiếp nhận giải quyết theo đúng thời gian quy định. Trường hợp hồ sơ không đảm bảo thủ tục quy định, phải hướng dẫn cụ thể, đầy đủ một lần cho chủ xe bổ sung và chịu trách nhiệm về hướng dẫn đó.

4. Trách nhiệm của chủ xe

Chủ xe phải có đầy đủ hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của hồ sơ và xe đến đăng ký; nộp lệ phí đăng ký và biển số theo quy định. Nghiêm cấm mọi hành vi giả mạo hồ sơ, đục xoá số máy, số khung để đăng ký.

3. Thời gian làm thủ tục để cấp, đổi giấy đăng ký, biển số; các giấy tờ về sang tên di chuyển, giấy chứng nhận xoá số

5.1. Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký xe đảm bảo đúng quy định, cơ quan đăng ký xe cấp ngay biển số; Cấp đăng ký, hồ sơ (trường hợp sang tên di chuyển), giấy chứng nhận xoá số (trường hợp xoá số) hoặc cấp lại đăng ký, biển số xe. Thời hạn tối đa không quá 3 ngày làm việc (không kể ngày lễ, thứ 7, chủ nhật).

5.2. Đăng ký tạm thời xe: Sau khi nhận hồ sơ đúng quy định, cơ quan đăng ký xe cấp đăng ký và biển số tạm thời trong ngày.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Công tác đăng ký xe bao gồm: Đăng ký; sang tên, di chuyển hoặc cấp, đổi lại đăng ký, biển số xe; đăng ký tạm thời; xoá số đăng ký xe.

A. ĐĂNG KÝ

1. Giấy khai đăng ký xe

Chủ xe phải tự khai theo đúng mẫu quy định (mẫu số 01 kèm theo Thông tư này);

2. Giấy tờ của chủ xe

2.1. Chủ xe là người Việt Nam: cần có một trong những giấy tờ sau:

- Giấy chứng minh nhân dân. Trường hợp chưa đến tuổi được cấp chứng minh nhân dân hoặc nơi thường trú trong chứng minh không phù hợp nơi đăng lý thường trú trong giấy khai đăng ký thì xuất trình hộ khẩu.

- Giấy chứng minh quân đội nhân dân, giấy chứng minh An ninh nhân dân, giấy chứng nhận cảnh sát nhân dân hoặc giấy chứng nhận theo quy định của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, kèm theo giấy giới thiệu của đơn vị công tác.

- Thẻ học viên, sinh viên, kèm giấy giới thiệu của nhà trường.

- Chủ xe là người Việt Nam định cư ở nước ngoài về sinh sống, làm việc tại Việt Nam: Giấy khai báo tạm trú, thường trú theo quy định và xuất trình hộ chiếu (còn giá trị).

2.2. Chủ xe là người nước ngoài cần có:

- Người nước ngoài làm việc trong các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, tổ chức quốc tế: xuất trình chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ (còn giá trị) và giấy giới thiệu của Vụ Lễ tân hoặc Sở Ngoại vụ.

- Người nước ngoài làm việc, sinh sống ở Việt Nam: xuất trình hộ chiếu (còn giá trị), giấy phép lao động theo quy định hoặc giấy giới thiệu của cơ quan Việt Nam quản lý người nước ngoài hoặc Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú từ 1 năm trở lên theo quy định tại Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 24/1999/PL-UBTVQH10 ngày 28/4/2000 về nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam.

2.3. Chủ xe là cơ quan, tổ chức cần có:

- Cơ quan, tổ chức Việt Nam: Giấy giới thiệu kèm theo giấy tờ tùy thân của người đến đăng ký xe.

- Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và tổ chức quốc tế: Giấy giới thiệu của Vụ Lễ tân hoặc Sở Ngoại vụ ghi rõ tên cơ quan, tổ chức kèm theo giấy tờ tùy thân của người đến đăng ký xe.

- Doanh nghiệp liên doanh hoặc doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, Văn phòng đại diện, Công ty nước ngoài trúng thầu, các tổ chức phi chính phủ: Giấy giới thiệu kèm theo giấy tờ tùy thân của người đến đăng ký xe (trong trường hợp cơ quan không có giấy giới thiệu thì phải có giấy giới thiệu của cơ quan cấp trên quản lý).

2.4. Người được uỷ quyền đăng ký xe phải có giấy uỷ quyền của chủ xe có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã hoặc cơ quan, đơn vị công tác và xuất trình chứng minh nhân dân.

2.5. Chủ xe phải xuất trình các giấy tờ quy định tại điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 nêu trên. Cơ quan đăng ký xe lưu các Giấy giới thiệu, giấy uỷ quyền quy định trên trong hồ sơ xe.

3. Các giấy tờ của xe

Giấy tờ của xe gồm: Chứng từ mua bán, cho tặng xe; lệ phí trước bạ và chứng từ nguồn gốc của xe.

3.1. Chứng từ mua bán, cho, tặng xe

Chứng từ mua bán, cho, tặng xe phải có một trong các loại giấy tờ sau đây:

3.1.1. Quyết định hoặc hợp đồng theo quy định của pháp luật.

3.1.2. Giấy bán, cho, tặng hoặc văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật.

3.1.3. Hoá đơn bán hàng theo quy định của Bộ Tài chính (nếu xe bán ra chuyển qua nhiều tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp thì khi đăng ký chỉ cần bản chính hoá đơn do Bộ Tài chính phát hành của tổ chức, cơ quan doanh nghiệp bán cuối cùng).

Đối với xe của doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh phải có hoá đơn giá trị gia tăng, hoá đơn bán hàng hoặc hoá đơn tự in theo quy định của pháp luật; trường hợp mua tài sản thanh lý xe của cơ quan hành chính sự nghiệp phải có hoá đơn bán tài sản thanh lý; trường hợp mua hàng hoá là tài sản dự trữ quốc gia phải có hoá đơn bán hàng dự trữ quốc gia.

3.1.4. Xe của đồng sở hữu khi bán, cho tặng phải có đủ chữ ký hoặc giấy uỷ quyền bán thay của các sở hữu chủ.

3.2. Chứng từ lệ phí trước bạ

3.2.1. Biên lai hoặc chứng từ nộp lệ phí trước bạ theo quy định của Bộ Tài chính (nếu nhiều xe chung một chứng từ lệ phí trước bạ thì phải có bản sao công chứng hoặc chứng thực của cơ quan cấp đối với từng xe).

3.2.2. Tờ khai và thông báo nộp lệ phí trước bạ.

Trường hợp xe được miễn lệ phí trước bạ, chỉ cần tờ khai lệ phí trước bạ.

3.3. Chứng từ nguồn gốc xe

Giấy tờ cần có tùy theo từng loại như sau:

3.3.1. Xe nhập khẩu:

3.3.1.1. Xe nhập khẩu theo hợp đồng thương mại, xe miễn thuế, xe chuyên dùng có thuế suất 0%, xe viện trợ và các xe thuộc đối tượng Bộ Tài chính quy định phải sử dụng tờ khai nguồn gốc: Tờ khai nguồn gốc xe ô tô, xe hai bánh gắn máy nhập khẩu theo quy định của Bộ Tài chính.

3.3.1.2. Xe nhập khẩu theo chế độ tạm nhập, tái xuất của đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao; theo Nghị định của Chính phủ hoặc Hiệp định giữa hai nhà nước; hoặc chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình dự án ODA ở Việt Nam; người Việt Nam định cư ở nước ngoài về nước làm việc theo lời mời: Giấy phép nhập khẩu xe của cơ quan Hải quan.

3.3.1.3. Xe nhập khẩu phi mậu dịch, xe là quà biếu, quà tặng hoặc xe nhập khẩu là tài sản di chuyển.

- Tờ khai hàng hoá xuất, nhập khẩu phi mậu dịch theo quy định của Bộ Tài chính.

- Biên lai thu thuế xuất, nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu theo quy định phải có) hoặc lệnh ghi thụ, ghi chi hoặc giấy nộp tiền qua kho bạc hoặc chuyển khoản hoặc uỷ nhiệm chi qua ngân hàng ghi rõ đã nộp thuế.

+ Trường hợp không phải có biên lai thuế xuất, nhập khẩu, hoặc thuế tiêu thụ đặc biệt thì phải có quyết định miễn thuế hoặc văn bản cho miễn thuế của cấp có thẩm quyền.

+ Trường hợp xe chuyên dùng có thuế suất bằng 0%: TỜ khai hàng hoá xuất, nhập khẩu phi mậu dịch theo qui định của Bộ Tài chính trong đó phải nhãn hiệu xe, số máy, số khung.

3.3.1.4. Đối với rơ moóc, sômi rơ moóc nhập khẩu: Tờ khai hàng hoá xuất, nhập khẩu theo qui định của Bộ tài chính.

Trường hợp nhiều rơ moóc, sômi rơ moóc chung một tờ khai hàng hoá xuất, nhập khẩu thì phải sao mỗi xe một tờ (bản sao phải công chứng hoặc chứng thực của cấp có thẩm quyền).

Trong tờ khai hàng hoá xuất, nhập khẩu không ghi nhãn hiệu thì trong giấy đăng ký mục loại xe ghi tên nước sản xuất.

3.3.1.5. Xe ô tô chuyên dùng thuê của nước ngoài:

- Hợp đồng thuê;
- Tờ khai hàng hoá xuất, nhập khẩu theo quy định của Bộ Tài chính.

3.3.1.6. Xe của các dự án:

3.3.1.6.1. Xe các dự án viện trợ của nước ngoài khi hết hạn, bàn giao cho phía Việt Nam:

- Chứng từ nguồn gốc của xe như quy định tại điểm 3.3 mục A phần II Thông tư này;
- Quyết định tiếp nhận của Thủ trưởng cấp Bộ (đối với cơ quan Trung ương) hoặc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với cơ quan ở địa phương);
- Biên bản bàn giao xe theo quy định.

Sau khi đã được cấp giấy đăng ký xe mang tên cơ quan Việt Nam, khi bán xe: xe thuộc các cơ quan Trung ương thì do Thủ trưởng cấp Bộ; xe thuộc địa phương quản lý thì do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Đối với xe viện trợ không đăng ký tên dự án mà đăng ký tên cơ quan Việt Nam, sau khi hết thời hạn dự án muốn bán phải có quyết định cho bán của cấp có thẩm quyền như quy định trên.

Trường hợp xe viện trợ nhân đạo, được sang tên di chuyển bình thường theo quy định.

3.3.1.6.2. Xe (đã đăng ký) của dự án này bàn giao cho dự án khác:

- Văn bản bàn giao xe của chủ dự án nước ngoài;
- Công văn xác nhận hàng viện trợ của Vụ Tài chính đối ngoại – Bộ Tài chính;

3.3.2. Xe sản xuất, lắp ráp, cải tạo trong nước:

3.3.2.1. Xe lắp ráp:

- Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của cơ sở sản xuất, lắp ráp.

Tờ khai nguồn gốc xe ô tô, xe hai bánh gắn máy nhập khẩu đối với xe được lắp ráp từ bộ linh kiện theo quy định của Tổng cục Hải quan phải có tờ khai nguồn gốc xe ô tô, xe hai bánh gắn máy nhập khẩu).

3.3.2.2. Xe cải tạo:

3.3.2.2.1. Xe thay đổi tính chất chuyên chở.

- Đăng ký xe (đối với xe đã đăng ký) hoặc chứng từ nguồn gốc nhập khẩu (đối với xe đã qua sử dụng);

- Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo của cơ sở sản xuất theo quy định của Bộ Giao thông vận tải; xe trong lực lượng Công an nhân dân cải tạo: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới theo quy định của Bộ Công an.

Không giải quyết đăng ký các xe ô tô khác cải tạo thành xe ô tô chở khách; xe chuyên dùng chuyên đổi tính năng, công dụng (gọi tắt là xe thay đổi công năng) trước 5 năm và xe đông lạnh trước 3 năm (kể từ ngày nhập khẩu) theo quy định của Chính phủ.

3.3.2.2.2. Xe thay tổng thành máy, thân máy (Block) hoặc tổng thành khung nhập khẩu:

- Đăng ký xe (đối với xe đã đăng ký) hoặc chứng từ nguồn gốc nhập khẩu (đối với xe đã qua sử dụng);

- Bản chính xác nhận của cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục cho tổng thành đó nhập khẩu (nhập theo hợp đồng thương mại). Trường hợp nhập khẩu phi mậu dịch thì phải có bản chính tờ khai hàng xuất, nhập khẩu phi mậu dịch và biên lai thu thuế xuất, nhập khẩu;

Trường hợp tổng thành máy, thân máy (Block) hoặc tổng thành khung khác nhãn hiệu, thông số kỹ thuật thì phải có Biên bản nghiệm thu xuất xưởng xe cơ giới cải tạo của cơ sở sản xuất theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

3.3.2.2.3. Xe thay tổng thành máy, thân máy (Block) hoặc tổng thành khung sản xuất trong nước:

- Đăng ký xe (đối với xe đã đăng ký) hoặc chứng từ nguồn gốc nhập khẩu (đối với xe đã qua sử dụng);

- Chứng từ bán tổng thành của cơ sở sản xuất;

- Biên bản kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) của cơ sở sản xuất.

3.3.2.2.4. Trường hợp tổng thành máy hoặc tổng thành khung của xe đã đăng ký dùng để thay thế cho xe khác thì phải có: Giấy xóa sổ đăng ký (ghi rõ cấp cho tổng thành máy hoặc tổng thành khung) hoặc quyết định tịch thu của cấp có thẩm quyền kèm theo hoá đơn bán hàng tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với xe hết niên hạn sử dụng quy định tại Nghị định 92/2001/NĐ-CP này 11/12/2001 và Nghị định 23/2004/NĐ-CP ngày 13/01/2004 của chính phủ; xe miễn thuế; xe tạm nhập của cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế được miễn trừ ngoại giao thì không được làm thủ tục xóa sổ tổng thành máy hoặc tổng thành khung để thay thế cho xe khác.

3.3.3. Xe có quyết định của các cấp, cơ quan có thẩm quyền.

3.3.3.1. Xe xử lý tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- Quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước (bản chính hoặc bản sao có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan có thẩm quyền);

- Hoá đơn bán hàng tịch thu sung quỹ Nhà nước do Bộ Tài chính phát hành hoặc văn bản xác lập quyền sở hữu Nhà nước của cơ quan có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có công chứng hoặc chứng thực của cấp có thẩm quyền).

Đối với trường hợp tịch thu nhiều xe chung một quyết định phải có bản sao kê khai chi tiết xe tịch thu sung quỹ nhà nước có xác nhận của cấp có thẩm quyền hoặc cơ quan ra quyết định bán hàng tịch thu. Việc đăng ký xe tịch thu sung quy Nhà nước (không phải có hồ sơ gốc) được thực hiện trên cơ sở hiện trạng số máy, số khung của xe ghi trong quyết định và hoá đơn trên, nhưng xe phải hoàn chỉnh các chi tiết cùng chủng loại, cùng thông số kỹ thuật.

3.3.3.2. Xe có quyết định xử lý vật chứng:

- Quyết định xử lý vật chứng của cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Toà án (bản chính hoặc bản sao có công chứng hoặc chứng thực của cơ quan có thẩm quyền cấp);

- Phiếu thu tiền hoặc giấy biên nhận tiền hoặc biên bản bàn giao (nếu là người bị hại). Trường hợp quyết định xử lý vật chứng mà tịch thu sung quỹ nhà nước (không phải có hồ sơ gốc) nhưng phải có hoá đơn bán hàng tịch thu sung quỹ nhà nước.

3.3.3.3. Xe do Toà án phát mại hoặc chuyển giao để đảm bảo thi hành án:

- Bản sao quyết định của Toà án hoặc trích lục bản án;

- Quyết định thi hành án của phòng thi hành án;

- Chứng từ thu tiền hoặc biên bản bàn giao tài sản.

Trường hợp xe phát mại thì phải có hồ sơ gốc theo quy định tại Thông tư này và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu xe hợp pháp của người có xe bị phát mại. Xe chưa rõ nguồn gốc hoặc không có giấy tờ chứng minh quyền sở hữu xe hợp pháp của người có tài sản bị phát mại thì không tiếp nhận giải quyết đăng ký mà phải hướng dẫn chủ xe đến nơi đã ra quyết định phát mại để giải quyết.

3.3.3.4. Xe cầm cố thế chấp do Ngân hàng phát mại:

- Bản sao hợp đồng tín dụng hoặc hợp đồng bảo đảm (do tổ chức tín dụng ký sao);

Hợp đồng mua bán tài sản hoặc hợp đồng chuyển nhượng tài sản hoặc biên bản nhận tài sản hoặc văn bản bán đấu giá tài sản (tùy từng trường hợp xử lý cụ thể);

- Đăng ký xe hoặc chứng từ nguồn gốc của xe;

- Chứng từ thu tiền theo quy định của Bộ Tài chính.

Trường hợp xe là tài sản cầm cố, thế chấp có tranh chấp, xe khởi kiện, xe là tài sản thi hành án phải có thêm:

- + Trích lục bản án hoặc sao bản án hoặc sao quyết định của Toà án;
- + Quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án.

Trường hợp xe đã đăng ký ở địa phương khác, phải có thêm phiếu sang tên di chuyển kèm theo hồ sơ gốc, giấy khai sang tên di chuyển do chủ xe, hoặc cơ quan ký hợp đồng bán tài sản, các tổ chức tín dụng ký xác nhận.

3.3.3.5. Xe thuộc diện phải truy thu thuế nhập khẩu:

3.3.3.5.1. Xe đã đăng ký, nay phát hiện Chứng từ nguồn gốc giả:

- Chứng từ truy thu thuế nhập khẩu;
- Chứng từ truy thu thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có);
- Đăng ký xe; Quyết định xử lý vật chứng hoặc kết luận bằng văn bản của cơ quan điều tra.

3.3.3.5.2. Xe phải truy thu thêm thuế nhập khẩu:

- Quyết định truy thu thuế của Cục Hải quan hoặc của Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Giấy nộp tiền thuế nhập khẩu vào ngân sách Nhà nước;
- Hồ sơ gốc của xe.

3.3.4. Xe dự trữ quốc gia:

- Lệnh xuất bán hàng dự trữ quốc gia của Cục Dự trữ quốc gia. Trường hợp nhiều xe thì phải sao cho mỗi xe một lệnh (bản sao phải có công chứng hoặc chứng thực của Cục Dự trữ quốc gia);

- Tờ khai nguồn gốc nhập khẩu xe hoặc giấy xác nhận của Tổng cục Hải quan (mỗi xe 1 bản chính) ghi rõ nhãn hiệu, số máy, số khung;

- Hoá đơn kèm phiếu xuất kho theo quy định của Bộ Tài chính do các Chi cục Dự trữ quốc gia cấp, mỗi xe một hoá đơn ghi rõ nhãn hiệu, số máy và số khung.

3.3.5. Xe bị mất chứng từ nguồn gốc:

Giấy cam đoan của chủ xe trước pháp luật về việc mất chứng từ nguồn gốc của xe và xuất trình giấy tờ theo quy định tại điểm 2 mục A phần II Thông tư này.

- Bản sao chứng từ nguồn gốc của xe nhập khẩu phải có xác nhận của cơ quan đã cấp chứng từ đó, riêng đối với xe sản xuất, lắp ráp trong nước thì cơ sở sản Xuất phải cấp lại Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng (hồ sơ đăng ký phải đầy đủ như quy định tại Mục A phần II Thông tư này). Sau 30 ngày nếu không phát hiện có vi phạm hoặc tranh chấp gì thì làm thủ tục đăng ký xe.

3.3.6. Xe của Công ty cho thuê tài chính đăng ký xe theo nơi cư trú hoặc đặt trụ sở hoạt động của bên thuê:

- Giấy tờ Của xe theo quy định tại điểm 3 mục A phần II Thông tư này.

- Công văn của Công ty cho thuê tài chính đề nghị đăng ký xe theo nơi cư trú hoặc đặt trụ sở hoạt động của bên thuê.

3.3.7. Xe của cơ quan Công an, Quân đội bán ra dân sự.

- Giấy tờ của xe như quy định tại điểm 3 Mục A phần II Thông tư này;

- Quyết định cho bán xe của Tổng cục Hậu Cần (đối với xe Công an hoặc của Bộ Tổng tham mưu đối với xe quân đội).

Trường hợp xe có nguồn gốc do Bộ Quốc phòng cấp phát, trang bị trước ngày 31/12/1989 và đã được đăng ký trước ngày 27/12/1995, phải có bản chính giấy chứng nhận của Cục quản lý xe máy thuộc Tổng cục kỹ thuật cấp cho từng xe.

3.3.8. Đăng ký và quản lý xe của các doanh nghiệp quân đội làm kinh tế; xe quân đội làm nhiệm vụ quốc phòng có yêu cầu cấp biển số dân sự thực hiện theo Thông tư liên tịch số 16/2004/TTLT-CA-QP ngày 01/11/2004 liên bộ Công an - Quốc phòng.

3.3.9. Xe là tài sản chung của vợ chồng

Chủ xe tự nguyện khai là tài sản chung của vợ chồng, phải ghi đầy đủ họ, tên và chữ ký của hai vợ chồng trong giấy khai đăng ký. Trường hợp xe thuộc tài sản chung của vợ chồng đã đăng ký trước ngày 18/10/2001, nay có nguyện vọng đăng ký xe là tài sản chung của hai vợ chồng thì phải tự khai giấy khai đăng ký xe (theo mẫu 01 kèm theo Thông tư này). Cơ quan đăng ký xe thu lại đăng ký xe cũ và cấp đăng ký xe mới.

3.3.10. Các loại xe có kết cấu tương tự

Giấy tờ của xe như quy định tại điểm 3 mục A phần II Thông tư này.

Trường hợp xe sản xuất, lắp ráp trước 31/12/2004 có chứng từ nguồn gốc không đảm bảo theo quy định thì chủ xe phải có cam kết về nguồn gốc hợp lệ của xe (có xác nhận của chính quyền địa phương); Biên bản kiểm tra của ngành giao thông vận tải chứng nhận xe đủ điều kiện về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (Thời hạn sử dụng theo quy định của Chính phủ).

B. ĐĂNG KÝ SANG TÊN, DI CHUYỂN XE

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày làm giấy tờ mua bán, cho tặng xe, người mua xe phải đến cơ quan đăng ký xe đang quản lý xe đó làm thủ tục sang tên, di chuyển, thay đổi đăng ký xe.

1. Xe đăng ký sang tên trong cùng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giấy tờ cần có:

1.1. Giấy khai đăng ký xe.

Chủ xe phải tự khai theo đúng mẫu quy định (mẫu số 01 kèm theo Thông tư này);

1.2. Giấy đăng ký xe

1.3. Chứng từ mua bán, cho tặng xe theo quy định tại điểm 3.1 mục A phần II Thông tư này.

1.4. Chứng từ lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm 3.2 mục A phần II thông tư này.

Khi đăng ký sang tên thì giữ nguyên biển số cũ (trừ biển loại 3 số thì cho đổi sang biển loại 4 số cùng loại biển) và cấp lại giấy đăng ký xe theo tên của chủ xe mới.

Trường hợp sang tên mô tô, xe máy khác huyện thì chủ xe phải đến Công an cấp huyện đã đăng ký xe đó (không phải đưa xe đến kiểm tra) làm thủ tục rút hồ sơ gốc của xe chuyển về Công an cấp huyện nơi chủ xe mới đăng ký.

2. Xe sang tên di chuyển ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, giấy tờ cần có:

2.1. Hai giấy khai sang tên di chuyển.

Chủ xe phải tự khai giấy khai sang tên, di chuyển theo đúng mẫu quy định (mẫu số 02 kèm theo Thông tư này).

2.2. Giấy đăng ký xe;

2.3. Chứng từ mua bán, cho tặng xe theo quy định tại điểm 3.1 mục A phần II Thông tư này.

Phải nộp lại biển số xe; không phải đưa xe đến kiểm tra.

3. Xe di chuyển nguyên chủ

Khi chủ xe thay đổi nơi cư trú sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác, giấy tờ cần có:

3.1. Hai giấy khai sang tên, di chuyển.

Chủ xe phải tự khai giấy khai sang tên, di chuyển theo đúng mẫu quy định (mẫu số 02 kèm theo Thông tư này).

3.2. Giấy đăng ký xe.

3.3. Quyết định điều động công tác hoặc di chuyển hộ khẩu.

Không phải mang xe đến, nhưng phải nộp lại biển số xe. Trường hợp mất đăng ký xe hoặc mất biển số xe thì phải có văn bản đề nghị nếu đủ giấy tờ theo quy định thì cấp giấy sang tên di chuyển.

4. Xe di chuyển sang địa phương khác, nhưng chủ xe chưa đăng ký, lại bán tiếp cho chủ xe mới, nếu thủ tục mua bán và lệ phí trước bạ đúng quy định thì tiếp nhận giải quyết đăng ký và gửi thông báo cho địa phương di chuyển xe biết để điều chỉnh số đăng ký xe.

5. Trường hợp xe là quà biếu, tặng; xe tạm nhập; xe của Việt kiều hồi hương, xe dự án chưa hết hạn, chuyển nhượng tại Việt Nam thì trước khi đăng ký, chủ xe làm thủ tục xoá sổ tại cơ quan đăng ký xe, sau đó đến cơ quan Hải quan để làm thủ tục nhập khẩu theo quy định và nộp lại hồ sơ cho cơ quan đăng ký xe để làm thủ tục sang tên, di chuyển cho chủ mới.

Trường hợp các loại xe trên chưa làm thủ tục xoá sổ, nhưng đã được cơ quan Hải quan truy thu thuế nhập khẩu hoặc cơ quan chức năng của Bộ Tài chính, trả lời bằng văn bản không

phải truy thu thuế thì được sang tên di chuyển và lưu văn bản vào hồ sơ xe. Riêng xe của Việt kiều hồi hương được mang theo định lượng miễn thuế theo qui định, nay không có nhu cầu sử dụng, được chuyển nhượng, sang tên di chuyển.

Đối với xe nhập khẩu được miễn thuế đã sử dụng trên 10 năm. Theo quy định của Bộ Tài chính thuế nhập khẩu bằng 0%; Trường hợp chuyển nhượng hồ sơ chỉ cần: Tờ khai hàng hoá nhập khẩu phi mậu dịch có xác nhận của Hải quan kèm theo hồ sơ gốc đăng ký ban đầu.

C. ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE.

1. Đổi lại đăng ký, biển số xe:

1.1. Những trường hợp sau đây phải đổi lại đăng ký xe, biển số xe: xe cải tạo; xe thay đổi màu sơn; đăng ký xe bị rách, hư hỏng, biển số xe hư hỏng, mờ.

1.2. Chủ xe đề nghị đổi đăng ký xe, biển số xe phải có công văn đề nghị (đối với cơ quan, tổ chức) hoặc đơn cam đoan (đối với cá nhân) và phải nộp lại đăng ký hoặc biển số xe cũ và không bắt buộc phải mang xe đến để kiểm tra (trừ xe cải tạo, xe thay đổi màu sơn). Cơ quan đăng ký xe cấp lại đăng ký, biển số xe (theo số cũ) trừ loại biển 3 số thì phải đổi sang biển 4 số.

2. Cấp lại đăng ký, biển số xe bị mất:

Chủ xe bị mất đăng ký, biển số xe phải có văn bản đề nghị cấp lại, không phải mang xe đến cơ quan đăng ký xe. Nếu đủ giấy tờ theo quy định thì giải quyết cấp lại đăng ký xe, biển số xe (theo biển số cũ) trường hợp loại biển 3 số thì đổi sang loại biển 4 số theo quy định.

3. Chủ xe là cán bộ chiến sĩ bộ đội, Công an xuất ngũ hoặc chuyển công tác; học sinh, sinh viên ra trường; nếu đã thay đổi địa chỉ, nơi công tác thì được giải quyết cấp lại theo địa chỉ thường trú hoặc tạm trú có thời hạn ở nơi mới.

D. ĐĂNG KÝ XE TẠM THỜI

1. Đối tượng gồm:

1.1. Ô tô mới nhập khẩu và sản xuất lắp ráp lưu hành từ kho, cảng, nhà máy, đại lý bán xe đến nơi đăng ký hoặc về các đại lý, kho lưu trữ khác.

1.2. Ô tô có phiếu sang tên di chuyển đi địa phương khác.

1.3. Ô tô làm thủ tục xoá sổ để tái xuất về nước hoặc chuyển nhượng tại Việt Nam.

1.4. Ô tô được phép quá cảnh (trừ xe có Hiệp định ký kết của Nhà nước).

1.5. Ô tô sát xi có buồng lái; ô tô tải không thùng.

1.6. Ô tô sát hạch.

1.7. Xe mang biển số Khu kinh tế-Thương mại theo quy định Chính phủ vào hoạt động trong nội địa Việt Nam.

1.8. Xe mới lắp ráp tại Việt Nam chạy thử nghiệm trên đường giao thông công cộng.

1.9. Xe được phép tạm nhập, tái xuất có thời hạn theo quy định của Chính phủ (trừ xe hoạt động ở khu vực biên giới có cửa khẩu).

1.10. Xe phục vụ Hội nghị, thể thao theo yêu cầu của Chính phủ hoặc Bộ công an.

1.11 Rơ moóc, somi rơ moóc.

2. Giấy tờ cần có:

2.1. Xe sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam:

2.1.1. Giấy khai đăng ký xe.

Chủ xe phải tự khai theo đúng mẫu quy định (mẫu số 01 kèm theo Thông tư này);

2.1.2. Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của cơ sở sản xuất theo quy định.

2.1.3. Hoá đơn bán hàng hoặc phiếu xuất kho.

2.2. Xe nhập khẩu; tạm nhập tái xuất có thời hạn, quá cảnh:

2.2.1. Giấy khai đăng ký xe.

Chủ xe phải tự khai theo đúng mẫu quy định (mẫu số 01 kèm theo Thông tư này).

2.2.2. Tờ khai hàng hoá xuất, nhập khẩu hoặc bản kê khai chi tiết nhập xe. Trường hợp xe đã đăng ký tại Khu kinh tế-Thương mại theo quy định của Chính phủ thì phải có giấy đăng ký xe đó.

2.3. Xe phục vụ Hội nghị, thể thao theo yêu cầu của Chính phủ hoặc Bộ Công an: Chỉ cần đăng ký xe hoặc danh sách chi tiết xe được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.4. Đối với xe sang tên di chuyển đi địa phương khác, xe làm thủ tục xoá sổ đăng ký; hồ sơ đăng ký tạm là Phiếu sang tên di chuyển hoặc Giấy chứng nhận xoá sổ đăng ký.

Trường hợp xe đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu thì thủ tục đăng ký tạm bao gồm các loại giấy tờ theo quy định tại điểm 3 tại mục A phần II Thông tư này (trừ chứng từ lệ phí trước bạ).

Khi đến làm thủ tục đăng ký tạm thời, chủ xe mang toàn bộ hồ sơ gốc và bản phô tô hồ sơ gốc để đối chiếu, không phải mang xe đến kiểm tra nhưng phải cà số máy, số khung dán vào giấy khai đăng ký. Khi cấp giấy đăng ký tạm thời thì trả hồ sơ gốc, cơ quan đăng ký xe lưu lại bản sao hồ sơ gốc.

3. Thời hạn đăng ký tạm thời:

3.1. Đăng ký xe tạm thời có giá trị là 07 ngày; nếu hết hạn thì được gia hạn một lần không quá 07 ngày.

3.2. Xe được phép tạm nhập: quảng cáo, hội chợ, triển lãm, thể thao hoặc phục vụ các mục đích hợp pháp khác thì thời hạn được cấp theo thời gian ghi trong giấy cho phép tạm nhập.

Xe có đăng ký tạm, được phép lưu hành theo thời gian và nơi đi, nơi đến đã được ghi trong đăng ký tạm.

E. XÓA SỔ ĐĂNG KÝ XE

1. Những trường hợp phải xóa sổ đăng ký:

- 1.1. xe hỏng không sử dụng được hoặc bị phá hủy do tai nạn giao thông.
- 1.2. Xe tháo máy, khung để thay thế cho xe khác.
- 1.3. Xe tạm nhập của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tái xuất hoặc chuyển nhượng tại Việt Nam.
- 1.4. Xe dự án được miễn thuế nhập khẩu, nay chuyển nhượng sang mục đích khác.
- 1.5. Xe đăng ký tại các khu Kinh tế - Thương mại theo quy định của Chính phủ khi tái xuất hoặc chuyển nhượng vào Việt Nam.
- 1.6. Xe hết niên hạn sử dụng theo quy định của Chính phủ.
- 1.7. Xe bị mất cấp không tìm được. Chủ xe xin xóa sổ.

2. Thủ tục xóa sổ:

Chủ xe phải tự khai giấy khai xóa sổ đăng ký xe (theo mẫu 03 kèm theo Thông tư này). Chủ xe không phải mang xe đến cơ quan nơi đăng ký xe nhưng phải nộp lại đăng ký xe, biển số xe và giấy khai xóa sổ đăng ký. Trường hợp xe bị mất cấp thì chỉ cần giấy khai xóa sổ đăng ký và đăng ký xe (nếu còn).

Sau khi tiếp nhận đầy đủ theo quy định trên, cơ quan đăng ký xe cấp giấy chứng nhận xóa sổ đăng ký cho chủ xe.

F. GIẢI QUYẾT MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ

1. Trường hợp đóng lại số máy, số khung

1.1. Xe nhập khẩu không có số máy, số khung; trong tờ khai nguồn gốc nhập khẩu của Hải quan ghi không có hoặc chưa tìm thấy số máy, số khung thì cho đóng số theo biển số đăng ký. Trường hợp tìm thấy số máy, số khung thì yêu cầu đến Hải quan để xác nhận lại.

- Trường hợp số máy, số khung của xe có số ở Etekét, số khi bằng sơn, số bị mờ, hoen gỉ thì được đóng lại theo số được Cơ quan Hải quan xác nhận trong tờ khai nguồn gốc nhập khẩu của xe (kể cả xe đã đăng ký và xe chưa đăng ký).

- Xe bị đục số máy, số khung không tiếp nhận giải quyết đăng ký và hướng dẫn chủ phương tiện đến cơ quan Hải quan để giải quyết theo quy định của Chính phủ.

1.2. Xe sản xuất, lắp ráp trong nước:

1.2.1. Xe có số máy, số khung đóng chập kim (lade) hoặc số đóng bị mờ, không rõ số thì được đóng lại số theo số ghi trong phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng;

1.2.2. Xe có số máy, số khung bị đóng chông số thì phải trung cầu giám định. Nếu cơ quan giám định kết luận xe bị đục lại số máy hoặc số khung thì không tiếp nhận đăng ký theo quy định.

Trường hợp giám định kết luận số máy, số khung là nguyên thủy thì được đóng lại theo số ghi trong phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.

1.3. Trường hợp xe đã đăng ký nếu thay thế máy mới hoặc thay thân máy (Blok) chưa có số máy thì đóng số theo số biển số xe đăng ký.

1.4. Xe có quyết định tịch thu hoặc quyết định xử lý vật chứng hoặc văn bản kết luận của cơ quan điều tra: Xe có số máy, số khung bị đục, tẩy xoá hoặc không xác định được số khung, số máy nguyên thủy thì được đóng lại số theo số biển số.

1.5. Việc đóng lại số máy, số khung do cơ quan đăng ký xe thực hiện.

2. Giải quyết vướng mắc về chứng từ chuyển nhượng xe

2.1. Khi sang tên di chuyển, trong hồ sơ xe đăng ký từ 01/9/1993 trở về trước thiếu hoá đơn chuyển nhượng hoặc chuyển nhượng không liên tục thì theo quy định của Thông tư số 61/TT-TCT ngày 22/7/1993 của Bộ Tài chính, hồ sơ được coi là hợp lệ.

2.2. Xe mua bán qua nhiều chủ, nay không thể xác định được các chủ trung gian thì khi sang tên di chuyển phải có chứng từ mua bán, cho tặng của chủ xe đầu tiên và người bán xe cuối cùng. Người đăng ký xe phải có bản cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của xe và xuất trình giấy tờ tùy thân. Trường hợp không có giấy tờ tùy thân phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã hoặc đơn vị công tác về nhân thân. Cơ quan đăng ký xe phải thông báo công khai tại nơi đăng ký về loại xe, biển số xe, số máy số khung. Sau 30 ngày, nếu không có tranh chấp, khiếu kiện thì giải quyết đăng ký, sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số xe.

3. Xe mô tô nhập khẩu trái phép, đã được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cho nộp thuế công thương nghiệp, đã đăng ký từ ngày 31/21/1995 trở về trước, thì được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số xe.

4. Xe đã đăng ký, nay phát hiện giấy chứng nhận nguồn gốc nhập khẩu (giấy Hải quan) giả hoặc bị tẩy xoá, đục lại số máy, số khung:

- Chuyển hồ sơ sang cơ quan điều tra để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp có kết luận bằng văn bản của cơ quan điều tra không phải là xe bị trộm cắp thì cơ quan đăng ký xe chuyển giao cho Cục Hải quan hoặc Cục thuế địa phương truy thu thuế. Sau khi có chứng từ truy thu thuế, thì giải quyết đăng ký.

5. Xe đã đăng ký từ 10 năm trở về trước (trừ xe nhập lậu hoặc xe bị trộm cắp), thực hiện theo quy định tại Thông tư số 113/2005/TT-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ Tài chính khi sang tên di chuyển nếu hồ sơ gốc không đầy đủ nhưng không có tranh chấp khiếu kiện, được giải quyết sang tên di chuyển hoặc đổi biển số xe.

6. Xe đã đăng ký từ ngày 31/12/1995 trở về trước, nay cà lại số máy, số khung thấy khác nét chữ, số, nhưng vẫn đúng với số máy, số khung lưu trong hồ sơ gốc, thì chủ xe phải viết cam đoan và được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số xe.

7. Xe mô tô đăng ký từ ngày 31/12/1995 trở về trước có đóng dấu "không bán, đổi, cho, tặng" tên giấy đăng ký xe, nay không có tranh chấp, khiếu kiện thì được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số xe.

Đối với xe mô tô hai bánh nhập khẩu trái phép nhưng được cơ quan hải quan truy thu thuế, đã đăng ký nay được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số.

8. Xe cải tạo đã đăng ký từ ngày 04/6/1996 trở về trước, trong hồ sơ thiếu biên bản kiểm nghiệm kỹ thuật theo quy định của Thông tư liên bộ Giao thông vận tải - Nội vụ số 223/TT/LB ngày 07/12/1979, nay được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số.

9. Xe lắp ráp tại Việt Nam đã đăng ký từ ngày 19/02/1998 trở về trước, nếu có bản sao giấy chứng nhận sản phẩm đầu tiên hoặc bản sao biên bản nghiệm thu của Hội đồng nghiệm thu theo quy định của Bộ Giao thông vận tải, thì được giải quyết sang tên, di chuyển hoặc đổi biển số.

III. QUẢN LÝ HỒ SƠ, BIỂN SỐ XE VÀ THẨM QUYỀN KÝ CÁC GIẤY TỜ

1. Quản lý hồ sơ xe:

Hồ sơ đăng ký xe được quản lý theo chế độ hồ sơ của Bộ Công an; dữ liệu thông tin của xe được thống nhất quản lý trên hệ thống máy vi tính, định kỳ hàng tháng cơ quan đăng ký xe có trách nhiệm báo cáo số liệu đăng ký, quản lý xe về Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt để thống nhất quản lý. Mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý hồ sơ làm mất, thất lạc hồ sơ đều phải được phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh.

2. Quy định về biển số xe:

2.1. Xe đăng ký tại Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt; Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nào thì biển số xe mang ký hiệu của Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt hoặc tỉnh, thành phố đó (phụ lục 01 kèm theo Thông tư này). Xe của cơ quan, tổ chức và cá nhân người nước nào thì có thêm ký hiệu riêng của nước đó (phụ lục 02 kèm theo Thông tư này).

2.2. Biển số xe của các tổ chức, cá nhân trong nước

- Xe không làm kinh doanh của cơ quan hành chính nhà nước; cơ quan quyền lực nhà nước; cơ quan xét xử, kiểm sát; lực lượng Công an nhân dân; các cơ quan của Đảng; tổ chức chính trị-xã hội: Biển số nền màu xanh, chữ và số màu trắng. Sê ri biển số sử dụng 1 trong 5 chữ cái sau đây: A, B, C, D, E.

- Xe của các doanh nghiệp; xe làm kinh tế của cơ quan quản lý nhà nước; tổ chức sự nghiệp; sự nghiệp có thu; xe cá nhân: Biển số nền màu trắng, chữ và số màu đen. Sê ri biển số sử dụng 1 trong 15 chữ cái sau đây: F, H, K, L, M, N, P, R, S, T, U, V, X, Y, Z, Riêng:

- Xe Quân đội làm kinh tế có ký hiệu "KT".

- Xe của các liên doanh nước ngoài, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, xe thuê của nước ngoài có ký hiệu "LD".

- Xe của các dự án có ký hiệu "DA".

- Rơ moóc, sơ mi rơ moóc có ký hiệu "R".

2.3. Biển số xe cơ quan, tổ chức và cá nhân nước ngoài

- Xe của cơ quan đại diện ngoại giao; cơ quan lãnh sự và nhân viên nước ngoài có thân phận ngoại giao làm việc cho các cơ quan đó: biển số nền màu trắng, chữ và số màu đen; có sê ri ký hiệu "NG" màu đỏ. Riêng biển số xe của Đại sứ và Tổng Lãnh sự bổ thêm gạch màu đỏ đè ngang lên giữa các chữ số chỉ quốc tịch và thứ tự đăng ký.

- Xe của tổ chức quốc tế và nhân viên nước ngoài có thân phận ngoại giao làm việc cho các tổ chức đó: biển số nền màu trắng, chữ và số màu đen; có sê ri ký hiệu "QT" màu đỏ. Riêng biển số xe của người đứng đầu cơ quan đại diện các tổ chức của Liên hợp quốc, có thêm gạch màu đỏ đè ngang lên giữa các chữ số chỉ quốc tịch và thứ tự đăng ký.

Xe của tổ chức; văn phòng đại diện; cá nhân người nước ngoài (kể cả lưu học sinh): biển số nền màu trắng, chữ và số màu đen, có ký hiệu "NN".

2.4. Kích thước của biển số

- Biển số xe ô tô gồm 2 biển không giống nhau về kích thước nhưng giống về chữ và số trong biển; 1 biển gắn phía trước và 1 biển gắn phía sau xe. Có kích thước như sau:

+ Biển trước: Chiều cao 110 mm, chiều dài 470 mm.

+ Biển sau: Chiều cao 200 mm, chiều dài 280 mm.

- Biển số rơ moóc, sơ mi rơ moóc: 1 biển gắn phía sau thành xe. Kích thước: Chiều cao 200 mm, chiều dài 280 mm.

- Biển số xe mô tô: 1 biển gắn phía sau xe. Kích thước: Chiều cao 140 mm, chiều dài 190 mm.

2.5. Chất liệu của biển số

Biển số xe được sản xuất bằng kim loại, do Bộ Công an thống nhất phát hành và quản lý trong toàn quốc. Biển số xe tạm thời bằng giấy, kích thước của biển số theo quy định trên. Trong trường hợp đặc biệt xe phục vụ chính trị, hội nghị, thể thao theo yêu cầu của Chính phủ, biển đăng ký tạm được làm bằng kim loại, biển số nền màu xanh, chữ và số màu trắng, có ký hiệu riêng, được Tổng cục Cảnh sát phê duyệt. Giao cho Tổng cục Cảnh sát hướng dẫn kích thước, cách bố trí chữ và số trong biển số xe và kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

Nghiêm cấm mọi hành vi sản xuất và sử dụng biển số xe không phải do Bộ Công an sản xuất, phát hành.

3. Quy định về biển số, chữ trên thành, cửa xe ô tô:

Đối với các loại xe ô tô (trừ các loại xe ô tô có 09 chỗ ngồi trở xuống), chủ xe phải chấp hành các quy định như sau:

- 3.1. Kẻ biển số ở thành sau xe và hai bên thành xe.
- 3.2. Kẻ tải trọng, tự trọng vào hai bên cánh cửa xe.
- 3.3. Kẻ tên cơ quan, đơn vị vào hai bên cánh cửa xe (trừ xe riêng của công dân Việt Nam).

4. Thời hạn sử dụng của giấy đăng ký xe:

4.1. Trong giấy đăng ký xe ô tô của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, tổ chức quốc tế và nhân viên người nước ngoài làm việc trong cơ quan, tổ chức đó, tại mục: "Đăng ký xe có giá trị đến ngày, tháng, năm" ghi theo thời hạn trong giấy giới thiệu của Vụ Lễ tân hoặc Sở Ngoại vụ.

4.2. Trong giấy đăng ký xe của tổ chức, cá nhân trong nước, tại mục: "Đăng ký xe có giá trị đến ngày, tháng, năm" ghi theo niên hạn sử dụng của xe theo quy định của Chính phủ.

5. Thẩm quyền ký các loại giấy tờ:

5.1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt ký giấy đăng ký xe (mẫu số 04, 05, 06 kèm theo Thông tư này) và các loại giấy tờ khác liên quan đến công tác đăng ký xe do Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt trực tiếp đăng ký, quản lý.

5.2. Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký giấy đăng ký xe (mẫu số 04, 05, 06 kèm theo Thông tư này) và các loại giấy tờ khác có liên quan đến công tác đăng ký xe do địa phương đăng ký, quản lý.

5.3. Trưởng Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh ký giấy đăng ký mô tô (mẫu 04, mẫu 06 kèm theo Thông tư này) và các loại giấy tờ có liên quan đến công tác đăng ký xe mô tô tại địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo và thay thế các Thông tư số 01/2002/TT-BCA (C11) ngày 04/01/2002 "Hướng dẫn tổ chức cấp đăng ký, biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ"; số 02/2003/TT-BCA (C11) ký ngày 13/01/2003 bổ sung một số quy định của Thông tư 01; số 11/2003/TT-BCA (C11) ngày 03/7/2003 "Hướng dẫn việc cấp giấy phép và kiểm soát hoạt động của phương tiện vận tải tạm nhập tái xuất có thời hạn"; số 08/TT-BCA (C11) ngày 3/8/2005 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư 11; số 17/2005/TT-BCA (C11) ngày 21/11/2005 sửa đổi, bổ sung điểm 2 của Thông tư 02; số 03/2006/TT-BCA (C11) ngày 22/02/2006 sửa đổi, bổ sung điểm 2 mục D phần II Thông tư 01; số 06/2005/TT-BCA (C11) ngày 24/6/2005 "Hướng dẫn đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trong khu Kinh tế - Thương mại đặc biệt Lao Bảo (Quảng Trị)"; số 07/BNV (C26) ngày 14/7/1993 hướng dẫn thực hiện Quyết định 258-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh từ 175 cm³ trở lên.

2. Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của

mình phối hợp với Bộ Công an để thực hiện tốt việc đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

3. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - Đường sắt, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện đúng quy định của Thông tư này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến đăng ký xe.

4. Tổng cục Cảnh sát chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc các địa phương báo cáo về Bộ (qua Tổng cục Cảnh sát) để có hướng dẫn kịp thời.

BỘ TRƯỞNG
Lê Hồng Anh

**DANH MỤC CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ
XE Ô TÔ TẠI CỤC CSGT ĐB-ĐS (BỘ CÔNG AN)**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2007/TT-BCA-C11
ngày 02/01/2007 của Bộ Công an)*

TT	TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
1	Các Ban của Trung ương Đảng
2	Văn phòng Chủ tịch nước
3	Văn phòng Quốc hội
4	Văn phòng Chính phủ
5	Xe phục vụ các đồng chí là thành viên Chính phủ, các đồng chí là ủy viên Trung ương Đảng công tác tại Hà Nội, xe do lãnh đạo Bộ Công an, Tổng cục Cảnh sát phê duyệt
6	Bộ Ngoại giao
7	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao
8	Tòa án nhân dân tối cao
9	Đài truyền hình Việt Nam
10	Đài tiếng nói Việt Nam
11	Thông tấn xã Việt Nam
12	Báo Nhân dân
13	Thanh tra Nhà nước
14	Học viện chính trị quốc gia
15	Ban quản lý Lăng, Bảo tàng, Khu di tích lịch sử Hồ Chí Minh
16	Trung tâm lưu trữ quốc gia
17	Ủy ban Dân số kế hoạch hóa gia đình
18	Các Đại sứ quán, tổ chức quốc tế và nhân viên người nước ngoài
19	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
20	Kiểm toán Nhà nước
21	Tổng cục Hải quan
22	Bộ Nội vụ
23	Tổng Công ty dầu khí Việt Nam
24	Cục Hàng không dân dụng Việt Nam

BỘ TRƯỞNG
Đại tướng Lê Hồng Anh

Phụ lục 01

KÝ HIỆU BIỂN SỐ XE Ô TÔ - MÔ TÔ TRONG NƯỚC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2007/TT-BCA-C11

ngày 02/01/2007 của Bộ Công an)

TT	TÊN ĐỊA PHƯƠNG	KÝ HIỆU
1	Cao Bằng	11
2	Lạng Sơn	12
3	Quảng Ninh	14
4	Hải Phòng	15-16
5	Thái Bình	17
6	Nam Định	18
7	Phú Thọ	19
8	Thái Nguyên	20
9	Yên Bái	21
10	Tuyên Quang	22
11	Hà Giang	23
12	Lào Cai	24
13	Lai Châu	25
14	Sơn La	26
15	Điện Biên	27
16	Hòa Bình	28
17	Hà Nội	29-32
18	Hà Tây	33
19	Hải Dương	34
20	Ninh Bình	35
21	Thanh Hóa	36
22	Nghệ An	37
23	Hà Tĩnh	38
24	TP.Đà Nẵng	43
25	Đắk Lắk	47
26	Đắk Nông	48
27	Lâm Đồng	49
28	TP.Hồ Chí Minh	50-59
29	Đồng Nai	60
30	Bình Dương	61
31	Long An	62
32	Tiền Giang	63
33	Vĩnh Long	64

TT	TÊN ĐỊA PHƯƠNG	KÝ HIỆU
34	Cần Thơ	65
35	Đồng Tháp	66
36	An Giang	67
37	Kiên Giang	68
38	Cà Mau	69
39	Tây Ninh	70
40	Bến Tre	71
41	Bà Rịa-Vũng Tàu	72
42	Quảng Bình	73
43	Quảng Trị	74
44	Thừa Thiên Huế	75
45	Quảng Ngãi	76
46	Bình Định	77
47	Phú Yên	78
48	Khánh Hòa	79
49	Cục CSGT ĐB-ĐS	80
50	Gia Lai	81
51	Kon Tum	82
52	Sóc Trăng	83
53	Trà Vinh	84
54	Ninh Thuận	85
55	Bình Thuận	86
56	Vĩnh Phúc	88
57	Hưng Yên	89
58	Hà Nam	90
59	Quảng Nam	92
60	Bình Phước	93
61	Bạc Liêu	94
62	Hậu Giang	95
63	Bắc Cạn	97
64	Bắc Giang	98
65	Bắc Ninh	99

BỘ TRƯỞNG
Đại tướng Lê Hồng Anh

**KÝ HIỆU BIÊN SỐ XE ÔTÔ - MÔ TÔ
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2007/TT-BCA-C11
ngày 02/01/2007 của Bộ Công an)

TT	TÊN NƯỚC	KÝ HIỆU
1	ÁO	001--005
2	AN BANI	006--010
3	ANH VÀ BẮC AILEN	011--015
4	AI CẬP	016--020
5	A ZEC BAI GIAN	021--025
6	ẤN ĐỘ	026--030
7	ĂNG GÔ LA	031--035
8	AP GA NIXTAN	036--040
9	AN GIE RI	041--045
10	AC HEN TI NA	046--050
11	ÁC MÊ NIA	051--055
12	AI XỐ LEN	056-060
13	BỈ	061--065
14	BA LAN	066--070
15	BỒ ĐÀO NHA	071--075
16	BUN GA RI	076--080
17	BUỐC KI NA PHA XỐ	081--085
18	BRA XIN	086--090
19	BĂNG LA ĐÉT	091--095
20	BÊ LA RÚT	096--100
21	BÔ LI VIA	101--105
22	BÊ NANH	106--110
23	BRU NÂY	111--115
24	BU RUN ĐI	116-120
25	CU BA	121--125
26	CÔT ĐI VOA	126--130
27	CÔNG GÔ (BRAZAVILLE-I)	131--135
28	CÔNG GÔ (DA-I-A)	136--140
29	CHI NÊ	141--145
30	CÔ LÔM BI A	146--150
31	CA MỜ RUN	151--155
32	CA NA DA	156--160
33	CÔ OÉT	161--165
34	CAM PU CHIA	166--170
35	CƯ ĐƠ GƯ XTAN	171--175
36	CA TA	176--180
37	CAP VE	181--185
38	CÔT XTA RI CA	186--190
39	ĐỨC	191--195
40	DĂM BI A	196--200
41	DİM BA BU Ê	201--205
42	ĐAN MẠCH	206--210

43	Ê CU A ĐO	211--215
44	Ê RI TỜ RÊ	216--220
45	Ê TI Ô PI A	221--225
46	EX TÔ NIA	226--230
47	GUYANA	231--235
48	GA BÔNG	236--240
49	GĂM BI A	241--245
50	GI BU TI	246--250
51	GRU DI A	251--255
52	GIOỐC ĐA NI	256--260
53	GHI NÊ	261--265
54	GA NA	266--270
55	GHI NÊ BÍT XAO	271--275
56	GRÊ NA ĐA	276--280
57	GHI NÊ XÍCH ĐẠO	281--285
58	GOA TÊ MA LA	286--290
59	HUNG GA RI	291--295
60	HOA KỶ	296--300
61	HÀ LAN	301--305
62	HY LẠP	306--310
63	HA MAI CA	311--315
64	IN ĐÔ NÊ XIA	316--320
65	I RAN	321--325
66	I RÁC	326--330
67	I TA LI A	331--335
68	IXRAEN	336--340
69	KA DẶC TAN	341--345
70	LÀO	346--350
71	LY BĂNG	351--355
72	LI BI	356--360
73	LÚC XĂM BUA	361--365
74	LÍT VA	366--370
75	LÁT VI A	371--375
76	MY AN MA	376--380
77	MÔNG CÔ	381--385
78	MÔ DẶM BÍCH	386--390
79	MA ĐA GAT XCA	391--395
80	MÔN ĐÔ VA	396--400
81	MAN ĐI VÔ	401--405
82	MÊ HI CÔ	406--410
83	MA LI	411--415
84	MA LAY XI A	416--420
85	MA RỐC	421--425
86	MÔ RI TA NI	426--430
87	MAN TA	431--435
88	MAC XAN	436--440
89	NGA	441--445
90	NHẬT BẢN	446--450
91	NI CA NA GOA	451--455
92	NIU DI LÂN	456--460

93	NI GIÊ	461--465
94	NI GIÊ RI A	466--470
95	NA MI BI A	471--475
96	NÊ PAN	476--480
97	NAM PHI	481--485
98	NAM TŨ	486--490
99	NA UY	491--495
100	Ô MAN	496--500
101	Ô XTRÓ RÂY LIA	501--505
102	PHÁP	506--510
103	PHI GA	511-515
104	PA KI XTAN	516--520
105	PHẦN LAN	521--525
106	PHI LIP PIN	526--530
107	PA LE XTIN	531--535
108	PA NA MA	536--540
109	PA PUA NIU GHI NÊ	541--545
110	TỔ CHỨC QUỐC TẾ	546--550
111	RU AN ĐA	551--555
112	RU MA NI	556--560
113	SÁT	561--565
114	SẾC	566--570
115	SIP	571--575
116	TÂY BAN NHA	576--580
117	THỤY ĐIỂN	581--585
118	TAN DA NI A	586--590
119	TÔ GÔ	591--595
120	TÁT GI KI XTAN	596--600
121	TRUNG HOA	601-605
122	THÁI LAN	606-610
123	TUỐC MÊ NI XTAN	611-615
124	TUY NI DI	616--620
125	THỔ NHĨ KỲ	621--625
126	THỤY SĨ	626--630
127	TRIỀU TIÊN	631 -- 635
128	HÀN QUỐC	636 -- 640
129	TIỂU VƯƠNG QUỐC Ả RẬP	641 -- 645
130	TÂY XA MOA	646 -- 650
131	U CRAI NA	651 -- 655
132	U ĐÓ BÊ KI XTAN	656 -- 660
133	U GAN DA	661 -- 665
134	U RU GOAY	666 -- 670
135	VANU ATU	671 -- 675
136	VÊ NÊ ZU Ê LA	676 -- 680
137	XU ĐĂNG	681 -- 685
138	XI Ê RA LÊ ÔN	686 -- 690
139	XINH GA PO	691 -- 695
140	XRI LAN CA	696 -- 700
141	XÔ MA LI	701 -- 705
142	XÊ NÊ GAN	706 -- 710

143	XÝ RI	711 -- 715
144	XA RA UY	716 -- 720
145	XÂY SEN	721 -- 725
146	XAO TÔ MÊ VÀ PRIN XI PE	726 -- 730
147	XLÔ VA KIA	731 -- 735
148	Y Ê MEN	736 -- 740
149	CÔNG QUỐC LÍCHTENSTEIN	741 -- 745
150	HÔNG CÔNG	746 -- 750
151	ĐÀI LOAN	885 -- 890
152	ĐÔNG TI MÔ	751 -- 755
153	PHÁI ĐOÀN ỦY BAN CHÂU ÂU (EU)	756--760

BỘ TRƯỞNG
Đại tướng Lê Hồng Anh

Mẫu số 01

BH kèm theo TT số 01/2007/TT-BCA(C11)

Ngày 02/1/2007

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN SỐ CŨ: BIÊN SỐ MỚI:
GIẤY KHAI ĐĂNG KÝ XE

Tên chủ xe:
Nơi thường trú
Số CMND (Hộ chiếu):..... cấp ngày...../...../..... tại.....
Có chiếc xe:..... Nhân hiệu..... Số loại:.....
Loại xe:..... Màu sơn:..... Năm sản xuất:.....
Tên động cơ:..... Dung tích..... Công suất:.....
Kích thước bao: - Dài:.....m; Rộng:.....m; Cao:.....m
Tự trọng:.....kg
Tải trọng: - Số chỗ ngồi:.....; đứng:.....; nằm.....
- Hàng hóa:.....kg
Số máy:..... Số khung:.....

Nơi dán bản cà số máy

Nơi dán bản cà số khung

THÔNG KÊ CHỨNG TỪ ĐĂNG KÝ XE

TT	Loại chứng từ	Cơ quan cấp	Số chứng từ	Ngày cấp	Ghi chú

Tôi xin cam đoan về nội dung khai trên đây là đúng. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

CÁN BỘ LÀM THỦ TỤC
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ XE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là xe cơ quan)

(1)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Ở Bộ ghi Cục trưởng, ở Tỉnh, TP ghi Trưởng phòng,
ở huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Trưởng CA huyện, thị xã, TP.
- Giấy khai đăng ký xe dùng cho đăng ký xe mới, đổi, cấp lại,
biển số, đăng ký xe, thay tổng thành máy, khung, màu sơn xe.

Mẫu số 02

BH kèm theo TT số 01/2007/TT-BCA(C11)

Ngày 02 tháng 01 năm 2007

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY KHAI SANG TÊN, DI CHUYỂN

XE:..... BIÊN SỐ.....

1. Họ tên chủ xe:.....
2. Nơi thường trú:.....
3. Số CMND:..... cấp ngày...../...../..... tại.....
4. Có chiếc xe với đặc điểm sau:
Nhãn hiệu..... Số loại:..... loại xe.....
Màu sơn:..... Số máy..... Số khung:.....
5. Nay sang tên cho ông/bà:.....
6. Nơi thường trú:.....
7. Lý do sang tên di chuyển (điều động hoặc cho, tặng, thừa kế, mua lại):.....

DÁN BẢN CÀ SỔ MÁY, SỐ KHUNG

Nơi dán bản cà số máy

Nơi dán bản cà số khung

8. Kèm theo giấy tờ này có:.....
.....
.....

9. Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ trong hồ sơ xe.

**10. Đề nghị cơ quan đăng ký: (1).....
xét và làm thủ tục sang tên, di chuyển chiếc xe nói trên.**

CÁN BỘ LÀM THỦ TỤC
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ XE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là xe cơ quan)

(2)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Ở Bộ ghi Cục CSGTĐB-ĐS, ở Tỉnh, TP ghi Phòng CSGT.....
ở huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Công an huyện.....

(2) Ở Bộ ghi Cục trưởng, ở Tỉnh, TP ghi Trưởng phòng,
ở huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Trưởng CA huyện, thị xã, TP.

Mẫu số 03

BH kèm theo TT số 01/2007/TT-BCA(C11)

Ngày 02 tháng 01 năm 2007

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY KHAI XÓA SỔ ĐĂNG KÝ XE

XE:.....BIÊN SỐ.....

Họ tên chủ xe:.....

Địa chỉ:.....

Số CMND/Hộ chiếu.....cấp ngày...../...../.....tại.....

Xin xóa sổ đăng ký xe:.....

Nhãn hiệu:.....Số loại:.....

Loại xe:.....Màu sơn:.....

Số máy:.....Số khung:.....

Lý do xin xóa sổ:.....

.....
đề nghị cơ quan đăng ký (*):.....

xóa sổ đăng ký, thu lại biên số, giấy chứng nhận đăng ký chiếc xe trên và cấp giấy
chứng nhận đã xóa sổ đăng ký.

**XÁC NHẬN CỦA CHÍNH QUYỀN
ĐỊA PHƯƠNG HOẶC
ĐƠN VỊ CÔNG TÁC**

....., ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ XE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là xe cơ quan)

() Ở Bộ ghi Cục CSGTĐB-ĐS, ở tỉnh, TP ghi Phòng CSGT...
ở huyện, thị xã, TP thuộc tỉnh ghi Công an huyện.....*



ĐĂNG KÝ MÔ TÔ, XE MÁY

Mẫu 04
BH Theo TT số 01/2007/TT-BCA(C11)
Ngày 02 tháng 01 năm 2007

100 mm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam

.....(1).....
.....(2).....
.....(3).....
.....(4).....

ĐĂNG KÝ MÔ TÔ, XE MÁY
Motorbike Registration Certificate
Số (Number):

2. Mặt sau:

100 mm


70 mm

Tên chủ xe (Owner's full name):	Số máy (Engine N ^o):
Địa chỉ (Address):	Số khung (Chassis N ^o):
Nhãn hiệu (Brand):	Dung tích (Capacity):
Loại xe (Type):	Công suất (Horsepower):
Màu sơn (Color):	Số người được phép chở:
Seat Capacity(5)....., ngày (date) tháng năm
Biển số đăng ký (N ^o Plate)(6).....
Đăng ký lần đầu ngày:	
Date of first registration:	

Ghi chú: Ký hiệu trong mẫu:

	Ở trung ương	Ở địa phương
(1)	BỘ CÔNG AN	CÔNG AN TỈNH, THÀNH PHỐ + TÊN ĐỊA PHƯƠNG
(2)	Ministry of Public Security	Tên địa phương + province's Public security (Tên địa phương + city's Public security)
(3)	CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BÒ - ĐƯỜNG SẮT	PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG CÔNG AN QUẬN, HUYỆN
(4)	Railway and Road Traffic Police Department	The traffic police Division
(5)	HÀ NỘI	TÊN ĐỊA PHƯƠNG
(6)	CỤC TRƯỞNG CỤC CSGT ĐB-BS	TRƯỞNG PHÒNG, TRƯỞNG CA QUẬN, HUYỆN

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ



100 mm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam

.....(1).....
(2).....
(3).....
(4).....

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ
Car Registration Certificate
 Số (Number):

70 mm

2. Mặt sau:

100 mm

Tên chủ xe (Owner's full name):	Số máy (Engine N ^o):
Địa chỉ (Address):	Số khung (Chassis N ^o):
Nhãn hiệu (Brand):	Tên động cơ (Brand of engine):
Loại xe (Type):	Dung tích (Capacity):
Màu sơn (Color):	Công suất (Horsepower):
Năm sản xuất (Year of manufacture):	Tư trọng (Empty weight):
Kích thước bao: Dài (Length): m; Rộng (Width): m; Cao (height): m	
Overall dimension	
Tải trọng: Số chỗ (ngồi) (sit): đứng (stand): nằm (lie):) Hàng hoá: Kg	
Gross weight: Seat capacity	Goods: kg
Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm	
Valid Until date	
Biển số đăng ký (N ^o Plate)(5).... ngày (date) tháng năm
(6).....
Đăng ký lần đầu ngày: Date of first registration:	

70 mm

Ghi chú: Ký hiệu trong mẫu:

	Ở trung ương	Ở địa phương
(1)	BỘ CÔNG AN	CÔNG AN TỈNH, THÀNH PHỐ + TÊN ĐỊA PHƯƠNG
(2)	Ministry of Public Security	Tên địa phương + province's Public security (Tên địa phương + city's Public security)
(3)	CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỜ - ĐƯỜNG SẮT	PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
(4)	Railway and Road Traffic Police Department	The traffic police Division
(5)	HÀ NỘI	TÊN ĐỊA PHƯƠNG
(6)	CỤC TRƯỞNG CỤC CSGT ĐB-ĐS	TRƯỞNG PHÒNG

